**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU**

*(Đính kèm văn bản số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_)*

**1. Tình hình triển khai thực hiện pháp luật về đấu thầu**

***1.1. Nội dung báo cáo về công tác ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện hoạt động đấu thầu và phân cấp trong đấu thầu***

- Số, ký hiệu văn bản, người ký, ngày ký và nội dung của các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện hoạt động đấu thầu và phân cấp trong đấu thầu;

- Tình hình triển khai, áp dụng, những vướng mắc, khó khăn, nguyên nhân và hướng khắc phục những vấn đề đã nêu.

***1.2. Nội dung báo cáo về hoạt động lựa chọn nhà thầu***

a) Tình hình thực hiện chung

- Các gói thầu đã triển khai, giá trị thực hiện

- Tình hình triển khai lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án/gói thầu

- Báo cáo chung về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án: căn cứ pháp lý để tổ chức lựa chọn nhà thầu, sự tuân thủ theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trình tự thực hiện và các mốc thời gian theo quy định, kết quả lựa chọn nhà thầu, số lượng nhà thầu mua/nhận hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và số lượng nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

b) Phần số liệu báo cáo

- Tổng hợp tình hình hoạt động đấu thầu theo các lĩnh vực tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp và việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu đối với các dự án có gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu *(thống kê theo Biểu số 1 đính kèm Đề cương này).*

- Tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các dự án có gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu *(thống kê theo Biểu số 2 đính kèm Đề cương này)* do đơn vị được kiểm tra làm chủ đầu tư.

**2. Đội ngũ cán bộ, chuyên gia tham gia hoạt động đấu thầu**(số lượng, trình độ chuyên môn, chứng chỉ đào tạo về đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;...).

**3. Những vướng mắc, tồn tại trong hoạt động đấu thầu** **(nếu có).**

**4. Kiến nghị của chủ đầu tư (nếu có).**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1Đối với mua sắm thường xuyên, khi áp dụng Mẫu này, thay cụm từ “chủ đầu tư” bằng “bên mời thầu”, “dự án” bằng “dự toán mua sắm”.

**Biểu số 1**

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU 1**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lĩnh vực đấu thầu/ Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Tổng số gói thầu** | **Tổng giá gói thầu** | **Tổng giá trúng thầu** | **Chênh lệch** |
| **Giá trị** | **Tỷ lệ (%)** |
| **I. Lĩnh vực đấu thầu** |   |   |   |   |   |
| 1. Tư vấn |   |   |   |   |   |
| 2. Phi tư vấn |   |   |   |   |   |
| 3. Hàng hóa |   |   |   |   |   |
| 4. Xây lắp |   |   |   |   |   |
| 5. Hỗn hợp |   |   |   |   |   |
| **Tổng cộng I** |   |   |   |   |   |
| **II. Hình thức lựa chọn nhà thầu** |   |   |   |   |   |
| 1. Đấu thầu rộng rãi |   |   |   |   |   |
| 2. Đấu thầu hạn chế |   |   |   |   |   |
| 3. Chào hàng cạnh tranh |   |   |   |   |   |
| 4. Chỉ định thầu |   |   |   |   |   |
| 5. Mua sắm trực tiếp |   |   |   |   |   |
| 6. Tự thực hiện |   |   |   |   |   |
| 7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt |   |   |   |   |   |
| 8. Tham gia thực hiện của cộng đồng |   |   |   |   |   |
| **Tổng cộng II** |   |   |   |   |   |

*Ghi chú: Lập bảng thống kê năm, tổng cộng I phải bằng với tổng cộng II*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1Đơn vị được kiểm tra chỉ tổng hợp số liệu các gói thầu/dự án/dự toán mua sắm do mình làm chủ đầu tư/bên mời thầu và do các đơn vị thuộc mình được lựa chọn để kiểm tra làm chủ đầu tư/bên mời thầu.

**Biểu số 2**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU 1**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên gói thầu** | **Giá gói thầu (1)** | **Giá trúng thầu (2)** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu** | **Loại hợp đồng** | **Số lượng nhà thầu mua/nhận HSMT, HSYC** | **Số lượng nhà thầu nộp HSDT/ HSĐX** | **Tên nhà thầu trúng thầu** | **Tỷ lệ Tiết kiệm (%) = ((1)-(2))/(1)\*100%** | **Giá hợp đồng hoặc giá thanh lý hợp đồng (nếu có)** | **Thời gian lựa chọn nhà thầu từ khi phát hành HSMT/HSYC đến khi có QĐ phê duyệt KQLCNT** |
| 1. Dự án A(1) Gói thầu DVTV………..(2) Gói thầu xây lắp ………..(3) Gói thầu MSHH ………..(4) Gói thầu DVPTV ………..(5) Gói thầu hỗn hợp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2. Dự án B(1) Gói thầu MSHH ……….. |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng cộng** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Đối với mua sắm thường xuyên, khi áp dụng Biểu này, thay cụm từ “dự án” bằng “dự toán mua sắm”.